

Số: 03 /BC-BKS

Thừa Thiên Huế, ngày 7 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2023, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 các nội dung sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023**

- Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây nhiệm kỳ 2020-2025 gồm có 3 thành viên trong đó hai thành viên chuyên trách và một thành viên không chuyên trách thuộc Tổng Công ty. Trong đó, thù lao của thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được hưởng là 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Ban kiểm soát đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên Ban kiểm soát trên các mặt hoạt động của Công ty. Thường xuyên tiến hành tổ chức công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với kế hoạch được Tổng công ty phê duyệt thông qua người đại diện vốn; xem xét báo cáo tài chính và các hoạt động đầu tư các dự án trên cơ sở phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện 13 cuộc họp và đã ban hành 13 báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của đơn vị.

- Ban kiểm soát phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán và Công ty kiểm toán độc lập tiến hành thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty do Ban Điều hành lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.



- Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban Điều hành và một số cuộc họp khác với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của đơn vị.

- Trong năm, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông về yêu cầu xem xét hoạt động của Công ty, về việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

## 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

- Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 trên cơ sở tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành. Về cơ bản, Công ty đã thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính định kỳ với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, xác nhận Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 31/12/2023. Trên cơ sở đó, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 do Ban Điều hành báo cáo và đã được kiểm toán với số liệu như sau:

### Bảng cân đối kế toán năm 2023 (dạng rút gọn)

Đơn vị tính: VN đồng

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi	% thay đổi
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>102,138,045,907</b>	<b>114,877,434,267</b>	<b>(12,739,388,360)</b>	<b>89%</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>41,415,070,887</b>	<b>54,699,220,264</b>	<b>(13,284,149,377)</b>	<b>76%</b>
1. Tiền	21,415,070,887	16,699,220,264	4,715,850,623	128%
2. Các khoản tương đương tiền	20,000,000,000	38,000,000,000	(18,000,000,000)	53%
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>18,000,000,000</b>	<b>10,000,000,000</b>	<b>8,000,000,000</b>	<b>180%</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18,000,000,000	10,000,000,000	8,000,000,000	180%
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>31,933,110,729</b>	<b>36,661,354,649</b>	<b>(4,728,243,920)</b>	<b>87%</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	17,370,328,541	17,986,258,348	(615,929,807)	97%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2,476,167,393	6,545,650,715	(4,069,483,322)	38%
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1,500,000,000	1,500,000,000	-	100%
4. Phải thu ngắn hạn khác	14,047,943,042	13,894,228,145	153,714,897	101%
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(3,461,328,247)	(3,264,782,559)	(196,545,688)	106%
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>4,589,754,909</b>	<b>3,846,510,522</b>	<b>743,244,387</b>	<b>119%</b>
1. Hàng tồn kho	4,589,754,909	3,846,510,522	743,244,387	119%



<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>6,200,109,382</b>	<b>9,670,348,832</b>	<b>(3,470,239,450)</b>	<b>64%</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	246,727,185	214,702,359	32,024,826	115%
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5,234,085,762	9,334,601,507	(4,100,515,745)	56%
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	719,296,435	121,044,966	598,251,469	594%
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>569,051,364,101</b>	<b>582,914,385,295</b>	<b>(13,863,021,194)</b>	<b>98%</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>6,032,090,878</b>	<b>10,848,886,360</b>	<b>(4,816,795,482)</b>	<b>56%</b>
2. Trả trước cho người bán dài hạn	6,032,090,878	10,848,886,360	(4,816,795,482)	56%
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>535,171,391,569</b>	<b>558,123,363,834</b>	<b>(22,951,972,265)</b>	<b>96%</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	533,658,445,065	558,123,363,834	(24,464,918,769)	96%
- Nguyên giá	1,041,290,744,406	1,031,554,808,542	9,735,935,864	101%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(507,632,299,341)	(473,431,444,708)	(34,200,854,633)	107%
2. Tài sản cố định vô hình	1,512,946,504	-	1,512,946,504	
- Nguyên giá	1,939,429,785	184,609,600	1,754,820,185	1051%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(426,483,281)	(184,609,600)	(241,873,681)	231%
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>13,624,585,811</b>	<b>4,897,701,790</b>	<b>8,726,884,021</b>	<b>278%</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13,624,585,811	4,897,701,790	8,726,884,021	278%
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>14,223,295,843</b>	<b>9,044,433,311</b>	<b>5,178,862,532</b>	<b>157%</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	14,223,295,843	9,044,433,311	5,178,862,532	157%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>671,189,410,008</b>	<b>697,791,819,562</b>	<b>(26,602,409,554)</b>	<b>96%</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>336,633,637,988</b>	<b>355,839,891,674</b>	<b>(19,206,253,686)</b>	<b>95%</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>89,688,062,364</b>	<b>91,222,138,851</b>	<b>(1,534,076,487)</b>	<b>98%</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	2,538,210,230	3,677,752,041	(1,139,541,811)	69%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	180,614,416	174,591,118	6,023,298	103%
3. Phải trả người lao động	8,782,142,188	8,032,628,205	749,513,983	109%
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	3,136,467,313	3,505,073,415	(368,606,102)	89%
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	517,255,138	-	517,255,138	
6. Phải trả ngắn hạn khác	52,003,630,437	53,600,111,430	(1,596,480,993)	97%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19,540,000,000	19,196,000,000	344,000,000	102%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,989,742,642	3,035,982,642	(46,240,000)	98%
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>246,945,575,624</b>	<b>264,617,752,823</b>	<b>(17,672,177,199)</b>	<b>93%</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	66,204,306,371	67,872,483,570	(1,668,177,199)	98%
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	180,741,269,253	196,745,269,253	(16,004,000,000)	92%
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>334,555,772,020</b>	<b>341,951,927,888</b>	<b>(7,396,155,868)</b>	<b>98%</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>334,555,772,020</b>	<b>341,951,927,888</b>	<b>(7,396,155,868)</b>	<b>98%</b>



1. Vốn góp của chủ sở hữu	324,054,150,000	324,054,150,000	-	100%
2. Quỹ đầu tư phát triển	27,259,580,782	27,259,580,782	-	100%
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(16,757,958,762)	(9,361,802,894)	(7,396,155,868)	179%
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(9,361,802,894)	-	(9,361,802,894)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	(7,396,155,868)	(9,361,802,894)	1,965,647,026	79%
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>671,189,410,008</b>	<b>697,791,819,562</b>	<b>(26,602,409,554)</b>	<b>96%</b>

### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2023

Đơn vị tính: VN đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Thay đổi	% thay đổi
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>227,424,257,898</b>	<b>182,472,290,758</b>	<b>44,951,967,140</b>	<b>125%</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>227,424,257,898</b>	<b>182,472,290,758</b>	<b>44,951,967,140</b>	<b>125%</b>
4. Giá vốn hàng bán	181,985,494,370	143,215,315,738	38,770,178,632	127%
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>45,438,763,528</b>	<b>39,256,975,020</b>	<b>6,181,788,508</b>	<b>116%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2,135,776,847	1,729,669,332	406,107,515	123%
7. Chi phí tài chính	18,992,882,156	18,027,693,175	965,188,981	105%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	18,992,882,156	18,027,693,175	965,188,981	105%
8. Chi phí bán hàng	2,524,920,573	2,523,262,493	1,658,080	100%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33,432,426,995	29,798,383,108	3,634,043,887	112%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>(7,375,689,349)</b>	<b>(9,362,694,424)</b>	<b>1,987,005,075</b>	<b>79%</b>
11. Thu nhập khác	22,690,107	2,737,445	19,952,662	
12. Chi phí khác	34,997,017	1,845,915	33,151,102	
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>(12,306,910)</b>	<b>891,530</b>	<b>(13,198,440)</b>	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>(7,387,996,259)</b>	<b>(9,361,802,894)</b>	<b>1,973,806,635</b>	<b>79%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8,159,609		8,159,609	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>(7,396,155,868)</b>	<b>(9,361,802,894)</b>	<b>1,965,647,026</b>	<b>79%</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	(228)	(289)	61	79%
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(228)	(289)	61	79%

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2023

*Handwritten signature*



Đơn vị tính: VN đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ này từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Kỳ trước từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
1	2	3	4	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(7,387,996,259)</b>	<b>(9,361,802,894)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		34,442,728,314	35,104,478,870
- Các khoản dự phòng	03		196,545,688	(4,018,300,032)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(39,189,694)	(25,075,886)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,053,459,053)	(1,704,593,446)
- Chi phí lãi vay	06		18,992,882,156	18,027,693,175
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận KD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>44,151,511,152</b>	<b>38,022,399,787</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7,138,690,331	(5,750,909,164)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(743,244,387)	811,754,175
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		11,783,584,578	(13,192,919,316)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5,210,887,358)	1,613,916,365
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19,379,698,055)	(17,445,343,530)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8,159,609)	(322,661,131)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		20,000,000	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(56,240,000)	(193,134,427)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>37,695,556,652</b>	<b>3,543,102,759</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(28,392,022,628)	(47,067,549,329)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18,000,000,000)	(10,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,000,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,058,338,505	1,667,420,843
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(34,333,684,123)</b>	<b>(55,400,128,486)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			0
3. Tiền thu từ đi vay	33			39,764,778,644
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15,660,000,000)	(12,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,025,421,600)	(11,551,680)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(16,685,421,600)</b>	<b>27,753,226,964</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(13,323,549,071)</b>	<b>(24,103,798,763)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>54,699,220,264</b>	<b>78,777,943,141</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		39,189,694	25,075,886
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>41,414,860,887</b>	<b>54,699,220,264</b>

105  
JN  
O  
NG  
LO



**Một số chỉ tiêu tài chính năm 2023**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022	NĂM 2021	GHI CHÚ
1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	0.15	0.16	
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0.85	0.84	
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	1.04	1.10	
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.50	0.51	
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	0.48	0.45	
3	Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1.09	1.22	
	Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1.14	1.26	
4	Hiệu quả				
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	(0.0110)	(0.0134)	
	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	(0.0130)	(0.0513)	
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	(0.0228)	(0.0289)	

**Đánh giá, phân tích các chỉ số về Báo cáo tài chính năm 2023**

Sản lượng hàng rời thông qua cảng 3.956.537 tấn, đạt 87,92% so với kế hoạch (4.500.000 tấn), tăng 14 % so cùng kỳ năm 2022 (3.469.639 tấn). Sản lượng hàng container thông qua cảng 7.385TEUs đạt 21,72% kế hoạch (34.000TEUs), tăng đáng kể so với năm 2022 (666TEUs). Tổng số lượt tàu ra vào cảng là 614 lượt, tăng 227 lượt so với năm 2022 (387 lượt tàu), lượt tàu du lịch cập cảng trong năm là 24 lượt tàu với 51.512 hành khách và thuyền viên.

Tổng doanh thu hoạt động SXKD năm 2023: 227,424 tỷ đồng, đạt 95% so với kế hoạch (238 tỷ đồng), tăng 25% so với năm 2022 (182,472 tỷ đồng).

Lợi nhuận trước thuế: - 7.396 tỷ đồng.

Nộp ngân sách 883 triệu đồng, đạt 176,6% kế hoạch, tăng 17,7% so với năm 2022 (0,75 tỷ đồng).

Thu nhập bình quân 11.780.000 đồng/người/tháng đạt 99,5% kế hoạch.

**Nguyên nhân dẫn đến một số chỉ tiêu thực hiện năm 2023 không đạt kế hoạch:**

- Mặc dù du lịch nội địa có nhiều dấu hiệu phục hồi. tuy nhiên, năm 2023 ngành du lịch bằng tàu biển quốc tế vẫn chưa hoạt động trở lại tại Việt Nam như kỳ vọng.

- Thị trường hàng xuất khẩu dăm gỗ qua cảng giảm mạnh đạt 1,028,615/1.500.000 tấn kế hoạch dẫn đến doanh thu chỉ đạt 53 tỷ đồng/76 tỷ đồng so với kế hoạch đặt ra.



- Công trình Bến số 2 mới đi vào hoạt động chịu nhiều chi phí lớn như chi phí khấu hao, chi phí lãi vay, chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật ban đầu phục vụ công tác khai thác hàng container nhưng mặt hàng Container chỉ đạt doanh thu 8,5 tỷ/ 26,7 tỷ đồng kế hoạch. Công trình Bến số 1 và các thiết bị máy móc của Cảng được sử dụng liên tục trong hơn 20 năm qua nên đã quá cũ, hư hỏng liên tục dẫn đến phát sinh lớn chi phí duy tu sửa chữa thường xuyên.

- Chỉ tiêu Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền thuần có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 dương 37 tỷ đồng cho thấy hoạt động của doanh nghiệp được diễn ra liên tục và đảm bảo hoạt động hiệu quả cho việc đầu tư và bù đắp các chi phí.

- Hệ số khả năng thanh toán hiện tại là chỉ số đo lường khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Chỉ số này ở mức 2-3 lần được xem là tốt, nhưng hiện nay chỉ số này của đơn vị khoảng 1 lần cho thấy thời gian đến việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của đơn vị trong tương lai sẽ gặp không ít khó khăn.

Nhìn chung, năm 2023 các chỉ tiêu tài chính của Công ty đã đạt kế hoạch, kết quả tài chính đảm bảo được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo đảm và phát triển.

### III. VỀ CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG CỦA 3 XÍ NGHIỆP

#### 1. Hoạt động của Xí nghiệp Cơ giới

Qua quá trình kiểm tra Xí nghiệp Cơ giới theo kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát tại XN. Nhận thấy, Xí nghiệp đã thực hiện tốt các quy định của Công ty, công tác quản lý điều động phương tiện phù hợp, thường xuyên thực hiện phương án thay đổi thiết bị xếp dỡ trong quá trình làm hàng nhằm tránh tình trạng một số thiết bị làm hàng quá tải ảnh hưởng tuổi thọ. Việc bố trí công nhân vận hành máy xếp dỡ đảm bảo đầy đủ, Chứng chỉ đào tạo nghề theo quy định của Nhà nước đối với các phương tiện đảm bảo đã được huấn luyện về An toàn, về sinh lao động.

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra định mức nhiên liệu và dầu nhớt tại BC số 03/BKS-CM ngày 16/02/2023. Ban kiểm soát có một số kiến nghị cụ thể:

- Xí nghiệp cơ giới và tàu lai cần ghi rõ, chính xác hơn trong quá trình ghi chép, cụ thể là thống kê số liệu về thời gian thiết bị hoạt động, về vật tư, về nhiên liệu và các loại dầu mỡ tiêu hao, phối hợp với các bộ phận liên quan cung cấp biên bản, biên nhận khi giao nhận vật tư, nhiên liệu, dầu mỡ để lưu trữ. Hàng tháng nên đối chiếu số liệu với các bộ phận liên quan. *(Các bộ phận đã họp và đã làm thủ tục đối chiếu số liệu theo quy định)*

*20*



- Công ty xem xét cho ban hành định mức tiêu hao nhiên liệu mới, định mức tiêu hao dầu mỡ các loại. Xây dựng quy trình/biên bản xác định tình trạng hư hỏng, nguyên nhân hư hỏng, số lượng và chủng loại vật tư, nhiên liệu, dầu mỡ các loại cần khi khắc phục sự cố đột xuất của các thiết bị cơ giới. (Đã ban hành định mức nhiên liệu mới và qua kiểm tra tình trạng hao hụt dầu mỡ đã giảm).

- Công ty phân công các bộ phận liên quan tìm hiểu nguyên nhân ống thủy lực một số thiết bị tại sao hay bị vỡ, bị tuột ống và bị rò rỉ dẫn đến thất thoát dầu thủy lực với số lượng lớn như trên để đưa ra biện pháp khắc phục, hạn chế. (Lập biên bản sự cố đúng quy trình kỹ thuật)

## 2. Hoạt động của Xí nghiệp Xếp dỡ:

Về công tác kiểm tra quá trình thực hiện quy trình xếp dỡ: Thực hiện đúng quy trình công nghệ xếp dỡ, nắm vững số lượng, chất lượng phương tiện thiết bị và nhân lực lao động điều động trong ca mình phụ trách. Có sự phối hợp giữa các Xí nghiệp, Phòng, Đội trong quá trình sản xuất. Theo dõi sát sao diễn biến lao động trong các dây chuyền xếp dỡ. Thực hiện tốt việc sử dụng trang thiết bị, an toàn lao động trong quá trình làm hàng.

Về công tác vận hành của công nhân vận hành cầu tàu: Chúng chỉ đào tạo của công nhân vận hành cầu tàu đúng theo quy định của Nhà nước. Công nhân vận hành cầu tàu đã nhận và sử dụng đúng mục đích dụng cụ bảo hộ lao động được cấp phát (găng tay, mũ, áo quần, khẩu trang, giày, áo mưa...) để thực hiện công tác làm hàng. Thường xuyên tham gia các lớp huấn luyện công tác an toàn, vệ sinh lao động định kỳ, có chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước.

- Kiến nghị Công ty cấp phát định kỳ bảo hộ lao động đúng thời hạn và nghiên cứu chất liệu vải phù hợp/giày đạt chuẩn chất lượng. (Công ty đã trang cấp bảo hộ đúng thời điểm và đúng chất lượng yêu cầu)

## 3. Hoạt động kinh doanh xăng dầu, dịch vụ Đại lý tàu biển:

Kiểm tra các chứng nhận liên quan đến công tác an toàn trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, các chứng nhận giấy kiểm định của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng tỉnh Thừa Thiên Huế đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra tại Xí nghiệp Cung ứng dịch vụ tàu biển tại báo cáo số 12/BKS-CM ngày 11/09/2023 và có một số kiến nghị, cụ thể:

- Về định mức hao hụt áp dụng tại Xí nghiệp: Kiến nghị Công ty cho xây dựng định mức hao hụt xăng dầu và công nhận thước đo bề chính thức căn cứ các quy định mới hiện hành để áp dụng thay thế cho Quyết định số 09 của Ban giám đốc Công ty ban hành tạm thời; (Đến nay, XN chưa thực hiện điều chỉnh).

- Về nợ quá hạn mức theo hợp đồng: Qua kiểm tra hiện còn một số khách hàng có hạn mức nợ quá hạn. Kiến nghị Xí nghiệp khắc phục việc này và dừng



cung cấp dịch vụ ngay khi phát hiện khách hàng nợ quá hạn mức quy định theo đúng nội dung trong hợp đồng; (Xí nghiệp đã thực hiện theo hợp đồng)

- Về phiếu cấp nhiên liệu nội bộ: Kiến nghị phòng Tài chính – Kế toán phối hợp với Xí nghiệp xây dựng phiếu cấp nhiên liệu nội bộ phù hợp, đúng quy định; (XN đã thực hiện đúng quy định).

- Về định mức nhiên liệu cho tàu lai: Kiến nghị Ban lãnh đạo cho xây dựng lại định mức tiêu hao nhiên liệu của 2 tàu lai; (XN đã ban hành định mức mới)

#### IV. Báo cáo kết quả giám sát đầu tư các dự án

Về kế hoạch đầu tư năm 2024, Công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện công trình Bến số 2 - Giai đoạn 2 và các dự án chuyển tiếp khác từ năm 2023 chuyển sang. Ngoài ra, nhằm phục vụ cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh cấp thiết, Công ty lập Kế hoạch đầu tư một số hạng mục trong năm 2024. Tổng giá trị đầu tư năm 2024 là **304.148** triệu đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Dự án	Kế hoạch đầu tư năm 2024	Nguồn vốn	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Các dự án, hạng mục chuyển tiếp từ năm 2023</b>			
1	Bến số 2 - Cảng Chân Mây (giai đoạn hoàn thiện)	244.816	Vốn liên kết đầu tư	
2	Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng và vững quay tàu của bến trong (Bến 120m)	3.826	Quỹ đầu tư phát triển	
3	Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có tải trọng đến 200.000DWT tại Vịnh Chân Mây	3.500	Vốn liên kết đầu tư	
4	Kiểm định nâng cấp Bến số 2 - Cảng Chân Mây được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải đến 70.000 tấn	550	Quỹ đầu tư phát triển	
5	Sửa chữa Bến số 1 - Cảng Chân Mây 2023 (hệ dầm, bản mặt sàn và bảo vệ đầu cọc)	10.000	Vốn tự có	
6	Hệ thống phòng cháy chữa cháy kho bãi mở rộng Bến số 1	4.112	Quỹ đầu tư phát triển	
7	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp Bến số 1	3.500	Quỹ đầu tư phát triển	
8	Sửa chữa lớn Tài sản cố định			
8.1	Sửa chữa Bến số 1 - Cảng Chân Mây năm 2022	8.114	Vốn tự có	
8.2	Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây	8.640	Vốn tự có	
<b>II</b>	<b>Các hạng mục đầu tư năm 2024</b>			

*vu*



Stt	Dự án	Kế hoạch đầu tư năm 2024	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 – Cảng Chân Mây (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biển đổ đất nạo vét, Phí môi trường đổ đất nạo vét Bến số 1 – Cảng Chân Mây)	6.200	Vốn tự có	
2	Bổ sung công năng cho Bến số 2 -Cảng Chân Mây để tiếp nhận tàu khách du lịch	300	Vốn tự có	
3	Bổ sung công năng cho Bến số 1 – Cảng Chân Mây để tiếp nhận tàu container	300	Vốn tự có	
4	Mua sắm xe nâng 10 tấn	2.200	Quỹ đầu tư phát triển	
5	Cải tạo nâng cấp hệ thống tang cáp điện điện đầu cần cầu Gottwald HKM 170E	900	Quỹ đầu tư phát triển	
6	Mua sắm cáp tải cần cầu Gottwald HKM 170E	950	Vốn tự có	
7	Mua sắm đệm tựa tàu 1300H	3.000	Vốn tự có	
8	Hàng rào nhà kho 7.000 m <sup>2</sup>	1.200	Quỹ đầu tư phát triển	
9	Mua sắm 01 xe chữa cháy chuyên dụng	2.040	Vốn tự có hoặc vốn huy động từ nguồn hợp pháp khác	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>304.148</b>		

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2023, Ban kiểm soát đánh giá HĐQT và BTGD đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

### 1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp theo hình thức tập trung và lấy ý kiến bằng văn bản nhiều vấn đề liên quan đến điều hành sản xuất kinh doanh cũng như quản lý xây dựng các dự án. HĐQT đã ban hành 23 Quyết định, 49 Nghị quyết, 06 Tờ trình, 10 Thông báo, Báo cáo. Các văn bản ban hành đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc bám sát tình hình thực tế, linh hoạt trong công tác điều hành nhằm xây dựng chiến lược sản xuất kinh



doanh phù hợp và hiệu quả. Trong năm, HĐQT đã hoàn thành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 theo kế hoạch.

- Các chính sách của HĐQT mang tính định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và giao cho Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

## **2. Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

- Ban TGD đã thực hiện đúng, đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, cũng như Quy chế hoạt động của Công ty. Ban TGD đã duy trì thường xuyên các cuộc họp giao ban hàng tuần để tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành SXKD của Công ty.

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ đúng theo Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

- Ban Tổng Giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng theo nhiệm vụ được phân công.

- Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, Ban TGD trong năm qua đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT không có vi phạm nào làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

## **VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của đơn vị, của cổ đông và theo đúng các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, hàng tuần tham dự cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc điều hành.

Với cổ đông, Ban kiểm soát không nhận được thư yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông về hoạt động của công ty trong thời gian qua.

## **VII. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024 CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Kế hoạch hoạt động trong năm 2024 của Ban kiểm soát tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua;



- Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Lập báo cáo thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và 1 năm trình HĐQT;
- Thực hiện công tác kiểm tra kế hoạch sản xuất kinh doanh tại 3 Xí nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của khách hàng;
- Phân tích, đánh giá chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp kiến nghị phương án tiết kiệm chi phí năm 2024.
- Phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban kiểm soát, xây dựng báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2024;
- Kiểm soát việc tuân thủ công tác công bố thông tin của Công ty được thực hiện minh bạch theo đúng nội dung quy định của Công ty niêm yết;
- Và thực hiện các công tác khác theo quy định.

### VIII. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Trong năm 2023 một số Dự án đã hoàn thành ghi nhận tăng tài sản cố định, Ban kiểm soát kiến nghị Công ty cho tiến hành Kiểm toán quyết toán công trình đã nêu trên trong thời gian sớm nhất.
- Đối với các khoản nợ khó đòi và các khoản nợ xấu đã được trích dự phòng và chưa trích lập dự phòng, kiến nghị Công ty tiếp tục nghiên cứu, theo dõi sát sao để có biện pháp thu hồi nợ cho Công ty;
- Đẩy mạnh khai thác container: Bên số 2 đưa vào hoạt động với mục tiêu đặt ra khai thác mặt hàng Container và hàng rời. Ban kiểm soát kiến nghị Công ty chỉ đạo bộ phận chuyên môn tập trung xây dựng kế hoạch khai thác tối ưu và cụ thể mặt hàng Container để đảm bảo đạt kế hoạch đề ra trong năm 2024 và đảm bảo hiệu quả khai thác Bên số 2.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra, giám sát năm 2023 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

